

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẠC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 01, ngày 26/03/2023)

(Ban hành theo Quyết định số /MYH23/VHU/QĐ ngày tháng năm 2023)

| STT | Số báo danh     | MSSV       | Họ               | Tên   | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Điểm |     |        |          |      | Điểm TB | Kết quả | Ghi chú                      |
|-----|-----------------|------------|------------------|-------|------------|-------------------|------|-----|--------|----------|------|---------|---------|------------------------------|
|     |                 |            |                  |       |            |                   | Nghe | Đọc | Hán tự | Ngữ pháp | Tổng |         |         |                              |
| 1   | VHU.TNB4.01.001 | 181A160087 | Nguyễn Văn       | Duy   | 11/02/2000 | Lâm Đồng          | 5.0  | 5.0 | 8.0    | 7.0      | 25.0 | 6.3     | Đậu     |                              |
| 2   | VHU.TNB4.01.002 | 161A150087 | Trần Thị Mỹ      | Duyên | 21/12/1998 | Hòa Bình          | 3.0  | 6.5 | 4.5    | 3.0      | 17.0 | 4.3     | Rớt     |                              |
| 3   | VHU.TNB4.01.003 | 141A150038 | Nguyễn Huỳnh Gia | Hân   | 25/06/1996 | TP. Hồ Chí Minh   | 7.0  | 5.0 | 5.0    | 4.5      | 21.5 | 5.4     | Đậu     |                              |
| 4   | VHU.TNB4.01.004 | 181A160009 | Tăng Thanh       | Hiền  | 10/01/2000 | Bình Định         | 7.0  | 7.5 | 8.0    | 7.5      | 30.0 | 7.5     | Đậu     |                              |
| 5   | VHU.TNB4.01.005 | 181A150069 | Nguyễn Phát Tấn  | Huy   | 01/12/2000 | TP. Hồ Chí Minh   | 8.0  | 7.0 | 7.0    | 7.0      | 29.0 | 7.3     | Đậu     |                              |
| 6   | VHU.TNB4.01.006 | 151A150179 | Trần Phương      | Lan   | 25/10/1997 | Bình Phước        | 5.0  | 4.0 | 7.0    | 6.5      | 22.5 | 5.6     | Đậu     |                              |
| 7   | VHU.TNB4.01.007 | 191A160104 | Nguyễn Như       | Linh  | 03/01/2001 | Bình Thuận        | 2.0  | 4.0 | 8.0    | 4.5      | 18.5 | 4.6     | Rớt     |                              |
| 8   | VHU.TNB4.01.008 | 181A160141 | Võ Thị Thảo      | Ngân  | 28/11/2000 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 7.0  | 5.5 | 8.0    | 5.0      | 25.5 | 6.4     | Đậu     |                              |
| 9   | VHU.TNB4.01.009 | 151A150165 | Nguyễn Thị Kiều  | Nương | 18/07/1996 | TP. Hồ Chí Minh   | 4.0  | 1.5 | 5.0    | 3.5      | 14.0 | 3.5     | Rớt     |                              |
| 10  | VHU.TNB4.01.010 | 141A150027 | Lâm Thị Thu      | Thảo  | 21/09/1996 | TP. Hồ Chí Minh   | 1.0  | 2.5 | 4.0    | 3.0      | 10.5 | 2.6     | Rớt     |                              |
| 11  | VHU.TNB4.01.011 | 191A160108 | Đỗ Bảo           | Trâm  | 09/05/2001 | An Giang          |      |     |        |          | 0.0  | 0.0     | Rớt     | Vắng                         |
| 12  | VHU.TNB4.01.012 | 151A150687 | Phạm Hương       | Trang | 30/10/1997 | Thái Bình         | 2.0  | 3.0 | 4.0    | 2.0      | 11.0 | 2.8     | Rớt     |                              |
| 13  | VHU.TNB4.01.013 | 191A160109 | Đồng Thị         | Tuyền | 10/01/2001 | Hải Dương         | 3.0  | 5.5 | 9.0    | 4.0      | 21.5 | 5.4     | Đậu     |                              |
| 14  | VHU.TNB4.01.014 | 151A150691 | Nguyễn Thị Lan   | Vy    | 18/02/1997 | Bình Thuận        | 3.0  | 5.0 | 6.0    | 5.0      | 19.0 | 4.8     | Rớt     | BL: Đọc: 5.0,<br>Hán tự: 6.0 |

Tổng số thí sinh theo danh sách: 14  
Số thí sinh dự kiểm tra: 13  
Số thí sinh vắng kiểm tra: 01  
Số thí sinh rớt: 06  
Số thí sinh đậu: 07

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức